TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 232/2022/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 22 tháng 06 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 236/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thu L**, sinh năm 1981.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T,** sinh năm 1979.

Cùng trú tại: B5 P304 tập thể Đ X, tổ 7 phường M D, quận C G, TP. H N.

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thu L*, sinh năm 1981***

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T*, sinh năm 1979***

Trú tại: B5 P304 tập thể Đ X, tổ 7 phường M D, quận C G, TP. H N.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn T cùng thống nhất xác định anh chị có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 21/03/2010 và cháu Nguyễn Thảo P, sinh ngày 03/03/2016. Ly hôn, anh chị cùng thỏa thuận, giao cả hai cháu là cháu Nguyễn Tiến D và cháu Nguyễn Thảo P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh Nguyễn Văn T trợ cấp nuôi các con chung 5.000.000 (*Năm triệu đồng)/tháng,* chia mỗi cháu 2.500.000 (*Hai Triệu năm trăm ngàn đồng)/Tháng,* từ tháng 7/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định pháp luật khác thay thế.

Anh T có quyền tự do đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Chị L và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về công nợ: Chị Nguyễn Thu L và anh Nguyễn Văn T cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thu L phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đông*). Ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh T là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đông*). Tổng cộng là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền

300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0018426 ngày 13/05/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Nay chuyển thành án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- UBND phường M D, quận C G , TP. H N.
(Bản sao trích lục kết hôn số 36/TLKH-BS ngày 21 tháng 01 năm 2022, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 180 ngày 22 tháng 11 năm 2007.)
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thu Hằng